TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠNG GIANG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2024/DS-ST
Ngày: 17-9-2024
V/v "tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mai Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thanh, ông Lê Văn La.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên toà: Bà Hà Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 88/2024/DS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2024 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số137/2024/QĐST-DS ngày 08/8/2024; Quyết định hoãn phiên toà số 110/2024/QĐST- DS ngày 26/8/2024, giữa:

*** Nguyên đơn**: Ngân hàng TMCP V (V1).

Địa chỉ: Số H, L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Hoàng L - Giám đốc Trung tâm thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ pháp lý.

Người được uỷ quyền lại: Ông Giàng A S và ông Nguyễn Phúc T - Trung tâm thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ pháp lý. Địa chỉ: Tầng G, Tòa nhà V, G D, quận C, thành phố Hà Nội. *(vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).*

*** Bị đơn**: Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang *(vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, người được uỷ quyền lại của Ngân hàng TMCP V (V1) là ông Giàng A S trình bày:

Ông Nguyễn Văn G vay của V1 tổng số tiền 289.000.000đ (Hai trăm tám mươi cín triệu đồng) theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1806270763482 ký ngày 02/7/2018 với số tiền vay: 254.000.000đ (*Hai trăm năm mươi tư triệu đồng*); Mục đích sử dụng tiền vay: thanh toán tiền mua xe ô tô mới nhãn hiệu CHEVROLET; Thời hạn vay: 83 tháng kể từ ngày 03/07/2018 đến ngày 03/06/2025; Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay trong 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân là 9,8%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07, 01/10 hàng năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 02/10/2018, điều chỉnh lãi suất sau đó ngày 01/01/2019. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức lãi suất tiết kiệm thường VNĐ tại quầy kỳ hạn 24 tháng trả lãi cuối kỳ đối với mức tiền gửi tiết kiệm cao nhất của V1 đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 5,9%/năm; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn và được áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn và bằng 10%/năm và được áp dụng với dư nợ lãi chậm trả.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng trên, V1 đã tiến hành giải ngân cho ông Nguyễn Văn G số tiền là 254.000.000 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số LD2102900614 ngày 29/01/2021 với số tiền vay 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng); Mục đích sử dụng tiền vay: Vay tiêu dùng; thời hạn vay tính từ ngày 29/01/2021 đến ngày 13/01/2024; Lãi suất trong hạn: Theo quy định của V1.

- Hợp đồng thẻ số 173-P-6128301 ngày 17/7/2018 với số tiền vay là 5.000.000đ (Năm triệu đồng); Mục đích sử dụng tiền vay: Vay tiêu dùng; Thời hạn vay: Từ ngày 17/07/2018 đến ngày 17/07/2023; Lãi suất trong hạn: Theo quy định của V1.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay trên là 01 xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET; số loại: SPARK; màu sơn: trắng; số khung: 75DJJH952436; số máy: 1088HN7X0058; biển kiểm soát: 98D-007.90 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 035503 do Phòng C - Công an tỉnh B cấp ngày 29/06/2018 cho ông Nguyễn Văn G. Tài sản được thế chấp cho V1 theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1806270763482 ngày 02/07/2018. Giá trị định giá tài sản thế chấp tại thời điểm giải ngân là: 495.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi lăm triệu đồng*). Tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, ông G đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ từ ngày 05/10/2022 cho V1 theo quy định tại Khoản 2 điều 4 và điểm a khoản 1 Điều 6 của Điều kiện giao dịch chung về cho vay và thế chấp xe ô tô ngày 12/03/2018 của V1. V1 đã nhiều lần làm việc, yêu cầu ông G trả nợ nhưng phía ông G vẫn không thực hiện.

Tính đến hết ngày ngày 17/9/2024, ông G còn nợ V1 số tiền là **158.571.072 đồng** (Nợ gốc: 111.633.717 đồng; Lãi trong hạn: 3.870.237 đồng; Lãi quá hạn: 43.067.118 đồng).

V1 yêu cầu giải quyết:

- Buộc ông Nguyễn Văn G thanh toán cho V1 các khoản nợ theo các Hợp đồng tín dụng trên, số tiền tạm tính đến hết ngày 17/09/2024 là: **158.571.072 đồng** (Nợ gốc: 111.633.717 đồng; Lãi trong hạn: 3.870.237 đồng; Lãi quá hạn: 43.067.118 đồng).

- Buộc Bên vay là ông Nguyễn Văn G phải tiếp tục trả lãi theo đúng thỏa thuận quy định tại các Hợp đồng tín dụng trên cho đến ngày thực tế ông nguyễn Văn G thanh toán hết nợ cho V1.

- Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Nguyễn Văn G không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền gốc, lãi phát sinh thì V1 được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của các khoản vay nêu trên để thu hồi nợ cho V1.

Bị đơn ông Nguyễn Văn G đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về việc xem xét, thẩm định tại chỗ; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hợp lệ. Ông G không có văn bản trình bày ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ, xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của V1 là ông Giàng A S vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là ông Nguyễn Văn G vắng mặt lần hai không có lý do. Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) công bố các lời khai, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật và trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Giàng A S đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn ông Nguyễn Văn G chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 288, Điều 298, Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 323 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp tiền án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc ông Nguyễn Văn G phải có nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho Ngân hàng TMCP V (V1) số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 17/9/2024 là **158.571.072 đồng** (Nợ gốc: 111.633.717 đồng; Lãi trong hạn: 3.870.237 đồng; Lãi quá hạn: 43.067.118 đồng).

Trường hợp ông Nguyễn Văn G không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán tại Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1806270763482 ký ngày 02/07/2018; Hợp đồng tín dụng số LD2102900614 ký ngày 29/01/2021; Hợp đồng thẻ số 1783-P-6128301 ký ngày 17/07/2018 thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ gồm: 01 xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET; số loại: SPARK; màu sơn: trắng; số khung: 75DJJH952436; số máy: 1088HN7X0058; biển kiểm soát: 98D-007.90 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 035503 do Phòng C - Công an tỉnh B cấp ngày 29/06/2018 cho ông Nguyễn Văn G.

Về chi phí tố tụng, án phí: Ông Nguyễn Văn G phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo, hướng dẫn thi hành án dân sự: Tuyên theo quy định pháp luật.

Về yêu cầu kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa sau khi tiến hành nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP V (V1) khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn G trả nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký. Nguyên đơn làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang là nơi bị đơn cư trú giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng TMCP V (V1) cho ông G vay tiền để thanh toán mua xe ô tô và tiêu dùng. Nay nguyên đơn khởi kiện đòi tiền theo hợp đồng tín dụng. Căn cứ Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 16 Điều 4, Điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng, Toà án nhân dân huyện Lạng Giang thụ lý, giải quyết vụ án dân sự, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

[3] Sự vắng mặt của các đương sự: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Giàng A S vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Nguyễn Văn G vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xét xử theo thủ tục vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Văn G phải trả nợ gốc, tiền lãi và xử lý tài sản thế chấp:

** Về số tiền nợ gốc và lãi suất:*

HĐXX thấy rằng: Ông Nguyễn Văn G và V1 tự nguyện ký kết Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1806270763482 ký ngày 02/07/2018; Hợp đồng tín dụng số LD2102900614 ký ngày 29/01/2021; Hợp đồng thẻ số 1783-P-6128301 ký ngày 17/07/2018. Các hợp đồng tín dụng có nội dung số tiền vay,

thời hạn vay, mục đích, lãi suất cho vay rõ ràng, hình thức đảm bảo, phù hợp với các quy định tại Điều 7, Điều 13, Điều 23, Điều 27 Thông tư số 36/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N; việc ký hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ là đúng quy định hợp đồng vay tài sản tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu của Ngân hàng buộc ông Nguyễn Văn G có trách nhiệm phải trả số tiền gốc còn nợ là 111.633.717 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 16 Điều 4, Điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về tiền lãi (lãi vay trong hạn, lãi quá hạn): V1 yêu cầu tính lãi vay trong hạn, lãi quá hạn theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1806270763482 ký ngày 02/07/2018; Hợp đồng tín dụng số LD2102900614 ký ngày 29/01/2021; Hợp đồng thẻ số 1783-P-6128301 ký ngày 17/07/2018. HĐXX thấy: Mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, ông Nguyễn Văn G không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên phải trả lãi trong hạn, lãi quá hạn theo yêu cầu khởi kiện tính đến ngày xét xử sơ thẩm 17/9/2024 là: Lãi vay trong hạn 3.870.237 đồng; Nợ lãi quá hạn 43.067.118 đồng, là phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Ngoài ra, V1 yêu cầu tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng cho đến ông G thực tế thanh toán xong nợ cho Ngân hàng là phù hợp với hướng dẫn về xác định lãi suất trong hợp đồng tín dụng tại thời điểm xét xử sơ thẩm quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Do vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng buộc ông Nguyễn Văn G phải thanh toán: **158.571.072 đồng** (Nợ gốc: 111.633.717 đồng; Lãi trong hạn: 3.870.237 đồng; Lãi quá hạn: 43.067.118 đồng)*;* kể từ ngày tiếp theo của ngày 17/9/2024, ông Nguyễn Văn G còn phải trả tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1806270763482 ký ngày 02/07/2018; Hợp đồng tín dụng số LD2102900614 ký ngày 29/01/2021; Hợp đồng thẻ số 1783-P-6128301 ký ngày 17/07/2018.

* *Về xử lý tài sản thế chấp:* Để đảm bảo cho khoản tiền vay tại các Hợp đồng tín dụng, ông Nguyễn Văn G thế chấp 01 xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET; số loại: SPARK; màu sơn: trắng; số khung: 75DJJH952436; số máy: 1088HN7X0058; biển kiểm soát: 98D-007.90 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 035503 do Phòng C - Công an tỉnh B cấp ngày 29/06/2018 cho ông Nguyễn Văn G. Tài sản được thế chấp cho V1 theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1806270763482 ký ngày 02/07/2018. Tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Xét Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1806270763482 ký ngày 02/07/2018, HĐXX thấy rằng: Hợp đồng thế chấp được lập thành văn bản có nội dung đầy đủ, rõ ràng, có chữ ký của các bên là đảm bảo quy định về thế chấp tài sản được tại các Điều 298, 317, 318, Điều 319 Bộ luật dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức xem xét thẩm định tại chỗ nhưng ông Nguyễn Văn G vắng mặt, không cung cấp, giao tài sản thế chấp trên theo yêu cầu nên không tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ được. Ngân hàng yêu cầu xử lý, phát mại tài sản thế chấp nêu trên trong trường

hợp ông G không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền gốc, lãi phát sinh là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 299, Điều 320, Điều 323 Bộ luật dân sự; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên cần được chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng, án phí:

- Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Văn G phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định tại Điều 157, Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

- Về án phí: Ông Nguyễn Văn G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp tiền án phí, lệ phí Tòa án. Ngân hàng không phải chịu án phí nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 288, Điều 298, Điều 299; Điều 317, Điều 318, Điều 319; Điều 320, Điều 323, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp tiền án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.

Buộc ông Nguyễn Văn G phải có nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho Ngân hàng TMCP V số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 17/9/2024 là **158.571.072đ (một trăm năm mươi tám triệu năm trăm bảy mươi mốt nghìn không trăm bảy mươi hai đồng),** gồm: Nợ gốc: 111.633.717 đồng; Lãi trong hạn: 3.870.237 đồng; Lãi quá hạn: 43.067.118 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ngày 17/9/2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải thanh toán khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận quy định tại Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1806270763482 ký ngày 02/07/2018; Hợp đồng tín dụng số LD2102900614 ký ngày 29/01/2021; Hợp đồng thẻ số 1783-P-6128301 ký ngày 17/07/2018. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay và văn bản quy phạm pháp luật quy định về

lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi suất.

Trường hợp ông Nguyễn Văn G không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ: 01 xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET; số loại: SPARK; màu sơn: trắng; số khung: 75DJJH952436; số máy: 1088HN7X0058; biển kiểm soát: 98D-007.90 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 035503 do Phòng C - Công an tỉnh B cấp ngày 29/06/2018 cho ông Nguyễn Văn G, theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1806270763482 ký ngày 02/07/2018.

2. Về chi phí tố tụng, án phí:

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Văn G phải chịu 3.000.000đ (ba triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản. Ngân hàng TMCP V được nhận lại số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) khi ông Nguyễn Văn G nộp.

- Về án phí:

Ông Nguyễn Văn G phải chịu số tiền 7.928.600đ (bảy triệu chín trăm hai mươi tám nghìn sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP V số tiền 3.850.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007558 ngày 10/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Mai Lan